TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **104**/2023/DS-ST
Ngày: 06-9-2023
V*/v:"Tranh chấp hợp đồng mua bán"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Hiệp
2. Ông Trần Thanh Hùng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Kiến Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Ánh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Vào ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 293/2023/TLST- DS ngày 23/6/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Quang Thị T**, sinh năm 1979; Trú tại: Số B, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1979; Trú tại: Số E, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Bị đơn:

+ Ông **Lê Văn C1**, sinh năm 1970; (Vắng mặt)

+ Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1968; (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Số G, ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, đơn yêu cầu vắng mặt nguyên đơn trình bày:

Trước đây cho đến ngày 03/11/2018, bà T có bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho ông C1, phục vụ kinh tế gia đình, việc mua bán được thực hiện trước sau đó đến vụ thì tổng kết nợ lại để ông C1 trả tiền. Đến ngày 09/11/2022, tổng kết lại ông C1 còn nợ lại bà T số tiền 31.563.000 đồng, có làm giấy xác nhận công nợ,

có chữ ký của ông C1. Từ đó đến nay, ông C1 không trả nợ cho bà T dù bà T đã đòi nhiều lần.

Bà Quang Thị T khởi kiện yêu cầu một mình ông Lê Văn C1 trả số tiền nợ gốc là 31.563.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 22/6/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Rút một phần yêu cầu liên đới đối với bà Nguyễn Thị L.

Bị đơn vắng mặt không có lời trình bày .

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70 và khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng 117, 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Quang Thị T: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới với ông Lê Văn C1 trong việc trả nợ cho bà Quang Thị T. Buộc ông Lê Văn C1 có nghĩa vụ trả cho bà Quang Thị T số tiền nợ gốc là 31.563.000 đồng và số tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 22/6/2023 (ngày Nguyên đơn nộp tạm ứng án phí) đến ngày xét xử xong vụ án với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn C2 bà Nguyễn Thị L được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng mua bán nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Lê Văn C1 có nơi cư trú tại ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Quang Thị T khởi kiện yêu cầu một mình ông Lê Văn C1 trả số tiền nợ gốc là 31.563.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 22/6/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp 01 giấy xác nhận công nợ viết tay, có chữ ký của ông Lê Văn C1. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý cùng hồ sơ khởi kiện photo của nguyên đơn cho ông Lê Văn C1. Ông Lê Văn C1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần; không đưa ra ý kiến phản hồi đối với các tài liệu chứng cứ cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông C1 đã mặc nhiên thừa nhận việc mình còn nợ số tiền như nguyên đơn yêu cầu. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quang Thị T, buộc ông Lê Văn C1 trả số tiền nợ gốc là 31.563.000 đồng. Về lãi suất, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 22/6/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất 0,83% là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Từ ngày 22/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/9/2023) là 02 tháng 15 ngày, do đó tiền lãi ông Lê Văn C1 phải trả cho bà Quang Thị T (31.563.000 đồng x 0,83%/tháng x 02 tháng) + (31.563.000 đồng x 0,028%/ngày x 15 ngày) = 656.500 đồng. Tổng cộng số tiền ông Lê Văn C1 phải trả cho bà Quang Thị T là 32.219.500 đồng. Bà Quang Thị T tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện liên đới đối với Nguyễn Thị L, đây là sự tự nguyện của bà Quang Thị T nên ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Lê Văn C1 phải chịu theo quy định.

- Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Quang Thị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 357; Điều 463; Điều 466; 468; Điều 469; Điều 471 Bộ Luật dân sự 2015;

- Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 227, Điều 228, Điều 147; khoản 1 Điều 273; Điều 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quang Thị T đối với ông Lê Văn C1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán. Buộc ông Lê Văn C1 có trách nhiệm trả cho bà Quang Thị T số tiền nợ gốc là 31.563.000 (ba mươi mốt triệu năm trăm sáu

mươi ba nghìn) đồng; tiền lãi là 656.500 (sáu trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm) đồng. Tổng cộng số tiền ông Lê Văn C1 có trách nhiệm phải trả cho bà Quang Thị T là 32.219.500 (ba mươi hai triệu hai trăm mười chín nghìn năm trăm) đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới với ông Lê Văn C1 trong việc trả nợ cho bà Quang Thị T.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Ông Lê Văn C1 phải chịu là 1.611.000 (một triệu sáu trăm mười một nghìn) đồng.

- Hoàn trả lại cho bà Quang Thị T số tiền tạm ứng án phí là 835.000 (trăm trăm ba mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006881 ngày 22/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND X. Hòa Lợi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Minh Hiền